BỘ TÀI CHÍNH

Số: 94 /2007/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kế toán số 03-/2003/QH 11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 59/2004/QĐ-BTC ngày 9/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thi tuyển và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chủ tịch Hội đồng thi kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề cấp Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện KSNDTC;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Phòng Thương mại và CN VN;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề VN (VACPA);
- Hội Kế toán và kiểm toán VN (VAA);
- Trang Web Chính phủ;
- Trang Web Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ CĐKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN VÀ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 94 /2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng dự thi

Người Việt Nam hoặc người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam có đủ các điều kiện dự thi quy định tại Điều 2 của Quy chế này đều được dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán.

Điều 2: Điều kiện dự thi

1. Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, không thuộc các đối tượng không được hành nghề kế toán, hành nghề kiểm toán theo qui định của pháp luật;

b) Có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán;

c) Thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên kể từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp Đại học;

d) Có chứng chỉ tin học trình độ B trở lên;

đ) Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ và lệ phí thi theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ điều kiện quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán ; hoặc bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh có tổng số đơn vị học trình các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích tài chính, Thuế trên 10% tổng số học trình cả khóa học;

c) Thời gian công tác thực tế về Tài chính, Kế toán từ 5 năm trở lên kể từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp Đại học; hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ trình độ C trở lên của 01 trong 05 thứ tiếng thông dụng: Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức; hoặc tốt nghiệp Đại học ở các nước học bằng 01 trong 05 thứ tiếng trên.

3. Người đã có Chứng chỉ hành nghề kế toán, muốn dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải có thêm điều kiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

4. Đối với người nước ngoài, muốn dự các kỳ thi nêu trên, ngoài việc phải có đủ các điều kiện quy định cho từng kỳ thi tại khoản 1, 2, 3 Điều này, còn phải có điều kiện được phép cư trú tại Việt Nam.

Điều 3: Hồ sơ và lệ phí thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi:

1.1. Người đăng ký dự thi lần đầu để lấy Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán, hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của đơn vị quản lý lao động đối với người đang làm việc tại các đơn vị và đối với người nước ngoài, hoặc Uỷ ban nhân dân địa phương nơi cư trú; Đối với người nước ngoài còn phải có bản sao Hộ chiếu do nước sở tại cấp có xác nhận của đơn vị quản lý lao động.

c) Các bản sao văn bằng chứng chỉ theo quy định tại điểm b, d, khoản 1 và điểm b, d khoản 2 Điều 2 của Quy chế này, có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng. Nếu là bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh thì phải nộp kèm theo bảng điểm có ghi rõ số đơn vị học trình của tất cả các môn học.

d) 3 ảnh màu cỡ 4 x 6 mới chụp trong vòng 6 tháng, hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận;

1.2. Người đăng ký dự thi lại các chuyên đề đã thi chưa đạt yêu cầu hoặc thi tiếp các chuyên đề chưa thi hoặc thi để đạt tổng số điểm quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này, hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi;

b) Bản sao Giấy chứng nhận điểm thi của các kỳ thi trước do Hội đồng thi thông báo;

c) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.

1.3. Người có Chứng chỉ hành nghề kế toán muốn đăng ký dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên, hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của đơn vị quản lý lao động đối với người đang làm việc tại các đơn vị và đối với người nước ngoài, hoặc Uỷ ban nhân dân địa phương nơi cư trú; Đối với người nước ngoài còn phải có bản sao Hộ chiếu do nước sở tại cấp có xác nhận của đơn vị quản lý lao động;

c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề kế toán, Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C trở lên có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng;

d) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.

2. Hồ sơ dự thi do Hội đồng thi phát hành theo mẫu thống nhất. Người đăng ký dự thi phải nộp hồ sơ cho Hội đồng thi hoặc đơn vị được Hội đồng thi uỷ quyền chậm nhất 30 ngày trước ngày thi.

3. Lệ phí thi tính cho từng chuyên đề thi và từng kỳ thi do Hội đồng thi thông báo cho từng kỳ thi, sau khi được Bộ Tài chính duyệt.

4. Đơn vị nhận hồ sơ dự thi chỉ nhận hồ sơ khi có đầy đủ giấy tờ trên và nộp đủ lệ phí dự thi.

Điều 4: Nội dung thi

1. Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán phải thi đủ 5 chuyên đề thi:
(1) Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp;
(2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;
(3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;
(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao;
(5) Tin học thực hành (trình độ B).

2. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải thi đủ 8 chuyên đề sau:
(1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp;
(2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;
(3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;
(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao;
(5) Kiểm toán và dịch vụ có đảm bảo nâng cao;
(6) Phân tích hoạt động tài chính nâng cao;
(7) Tin học thực hành (trình độ B);
(8) Ngoại ngữ (trình độ C).

3. Người có Chứng chỉ hành nghề kế toán dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải thi tiếp 03 chuyên đề còn lại của số chuyên đề thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên:
(1) Kiểm toán và dịch vụ có đảm bảo nâng cao;
(2) Phân tích hoạt động tài chính nâng cao;
(3) Ngoại ngữ (trình độ C).

4. Nội dung từng chuyên đề thi quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này. Mỗi chuyên đề thi phải đạt yêu cầu về kiến thức chuyên môn cập nhật, khả năng thực hành và kinh nghiệm thực tế.

5. Người đăng ký dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán phải thi lần đầu ít nhất là 03 chuyên đề quy định tại khoản 1 Điều này. Người đăng ký dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải đăng ký dự thi lần đầu ít nhất là 04 chuyên đề thi quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Các quy định về nội dung thi từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này thực hiện từ kỳ thi năm 2008 trở đi. Những người dự thi từ kỳ thi năm 2007 trở về trước vẫn được thi và bảo lưu kết quả thi theo các môn thi quy định tại Quyết định 59/2004/QĐ-BTC ngày 9/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thi tuyển và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán.

Điều 5: Thể thức thi

Mỗi chuyên đề thi trong các chuyên đề thi (1), (2), (3), (4) quy định tại khoản 1 Điều 4 và các chuyên đề thi (1), (2), (3), (4), (5), (6) quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, người dự thi phải làm một bài thi viết trong thời gian 180 phút. Chuyên đề Tin học thực hành, người dự thi phải làm một bài thực hành trên máy tính trong thời gian 30 phút; chuyên đề Ngoại ngữ, người dự thi phải làm một bài kiểm tra viết trong thời gian 60 phút và trả lời vấn đáp trong thời gian 30 phút.

Điều 6: Tổ chức các kỳ thi

1. Hội đồng thi tổ chức ít nhất mỗi năm một kỳ thi vào quý III hàng năm. Trước ngày thi ít nhất 3 tháng, Hội đồng thi thông báo chính thức trên các phương tiện thông

tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm và các thông tin cần thiết khác liên quan đến kỳ thi.

2. Để chuẩn bị cho việc dự thi, người đăng ký dự thi cần phải tham dự các lớp học, ôn thi do Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) tổ chức có kết hợp với các Trường Đại học có đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán để lựa chọn giáo viên đủ năng lực hướng dẫn thực hiện ôn thi theo chương trình thống nhất do Bộ Tài chính quy định.

3. Trong thời hạn chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc thi, Hội đồng thi phải công bố kết quả thi và thông báo cho người dự thi.

Điều 7: Kết quả thi, bảo lưu kết quả thi và miễn thi

1. Chuyên đề thi đạt yêu cầu: Là những chuyên đề đạt từ điểm 5 trở lên chấm theo thang điểm 10.

2. Bảo lưu kết quả thi: Điểm của các chuyên đề thi đạt yêu cầu được bảo lưu 03 năm tính từ kỳ thi thứ nhất. Trong thời gian bảo lưu, người dự thi được thi tiếp các chuyên đề chưa thi hoặc chỉ thi lại những chuyên đề thi chưa đạt yêu cầu. Mỗi chuyên đề thi được dự thi tối đa 3 lần thi.

3. Thi nâng điểm: Người đã đạt yêu cầu cả 4 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4) quy định tại khoản 1 Điều 4 hoặc đạt yêu cầu cả 6 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4), (5), (6) quy định tại khoản 2 Điều 4 hoặc đạt yêu cầu cả 02 chuyên đề thi (1), (2) quy định tại khoản 3 Điều 4 nhưng tổng số điểm thi không đủ số điểm quy định tại khoản 4 Điều này thì được lựa chọn các chuyên đề chưa thi đủ 3 lần để đăng ký thi nâng điểm. Trường hợp thi nâng điểm thì kết quả thi lấy theo điểm thi lần sau.

4. Điều kiện đạt yêu cầu thi:

a) Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán đạt yêu cầu cả 4 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4) và đạt tổng số điểm từ 25 điểm trở lên và đạt yêu cầu chuyên đề (5) thì được Chủ tịch Hội đồng thi xác nhận đạt yêu cầu thi;

b) Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên đạt yêu cầu cả 6 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4), (5), (6) và đạt tổng số điểm từ 38 điểm trở lên và đạt yêu cầu chuyên đề (7), (8) thì được Chủ tịch Hội đồng thi xác nhận đạt yêu cầu thi;

c) Người có Chứng chỉ hành nghề kế toán dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên đạt yêu cầu cả 2 chuyên đề thi (1), (2) và đạt tổng số điểm từ 12,5 điểm trở lên và đạt yêu cầu chuyên đề (3) thì được Chủ tịch Hội đồng thi xác nhận đạt yêu cầu thi.

d) Trường hợp được miễn chuyên đề thi có tính điểm thì được tính trừ 6,5 điểm một chuyên đề thi. Trường hợp được miễn chuyên đề "Tin học thực hành" hoặc "Ngoại ngữ" thì không phải thi.

đ) Người dự thi đạt yêu cầu thi ngay tại kỳ thi thứ nhất được xếp loại A; Người dự thi đạt yêu cầu thi tại kỳ thi thứ hai được xếp loại B và người dự thi đạt yêu cầu thi tại kỳ thi thứ ba được xếp loại C. Sau chữ A, B, C là số năm cấp Chứng chỉ (Ví dụ: A.06 là đạt loại A kỳ thi năm 2006).

5. Miễn thi chuyên đề "Ngoại ngữ" cho các đối tượng:

a/ Có bằng tốt nghiệp Đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức hoặc tốt nghiệp Đại học ở các nước học bằng Tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức.

b/ Có Chứng chỉ Anh văn Quốc tế TOEFL 450 điểm hoặc IELTS 5.0 điểm trở lên trong thời hạn 3 năm kể từ năm ghi trên Chứng chỉ đến năm đăng ký dự thi.

c/ Nam từ 50 tuổi, nữ từ 45 tuổi trở lên và có chứng chỉ trình độ C tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức trở lên.

6. Miễn thi chuyên đề "Tin học thực hành" cho người có bằng tốt nghiệp Đại học công nghệ thông tin.

7. Miễn thi chuyên đề "Tin học thực hành" và chuyên đề "Ngoại ngữ" cho người có Thẻ thẩm định viên về giá do tổ chức có thẩm quyền cấp.

Điều 8: Huỷ kết quả thi

Sau thời hạn 3 năm tính từ kỳ thi thứ nhất, nếu 1 trong các chuyên đề đã thi 3 lần nhưng không đạt yêu cầu hoặc tất cả các chuyên đề thi đã đạt yêu cầu nhưng tổng số điểm thi không đủ số điểm quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy chế này thì kết quả thi trước đó bị huỷ. Người bị huỷ kết quả thi nếu muốn tiếp tục dự thi thì phải thi lại tất cả các chuyên đề quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

Chương II
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 9: Hội đồng thi Kiểm toán viên và Kế toán viên hành nghề cấp Nhà nước

1. Hội đồng thi Kiểm toán viên và Kế toán viên hành nghề cấp Nhà nước (sau đây gọi tắt là Hội đồng thi) do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

2. Hội đồng thi chịu trách nhiệm tổ chức các kỳ thi kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề theo quy chế thi chung của Bộ Tài chính. Trong từng kỳ thi, Chủ tịch Hội đồng thi phải thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi và Ban phúc khảo (nếu cần).

3. Hội đồng thi được phép sử dụng con dấu của Bộ Tài chính trong thời gian hoạt động của Hội đồng.

4. Các thành viên Hội đồng thi và người ký hợp đồng ra đề thi không được tổ chức và không được tham gia phụ đạo, hướng dẫn ôn thi sau khi Hội đồng thi đã thông báo kế hoạch, nội dung, chương trình thi năm đó.

Điều 10: Tổ chức Hội đồng thi

1. Thành phần Hội đồng thi bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thi là Thứ trưởng Bộ Tài chính; 01 Phó Chủ tịch thường trực là lãnh đạo Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán ; 01 Phó Chủ tịch là lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ ; Uỷ viên thư ký và các Uỷ viên Hội đồng thi là cán bộ khoa học, chuyên gia đại diện của Hội nghề nghiệp và một số đơn vị thuộc Bộ Tài chính. Thành phần Hội đồng thi tối đa không quá 9 người; Hội đồng thi được thành lập cho từng kỳ thi.

2. Những người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng dự thi kỳ thi nào thì không được tham gia vào Hội đồng thi và các bộ phận liên quan đến kỳ thi đó.

3. Văn phòng của Hội đồng thi đặt tại Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Bộ Tài chính.

4. Giúp việc cho Hội đồng thi có Tổ thường trực do Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thành lập, tối đa không quá 5 người.

Điều 11: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi

1. Thông báo công khai kế hoạch thi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tổ chức các kỳ thi kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề và kỳ thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán, chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài.

3. Xây dựng đề thi, đáp án cho mỗi kỳ thi.

4. Tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt danh sách thí sinh dự thi.

5. Xét duyệt kết quả thi.

6. Tổ chức phúc khảo kết quả thi nếu người dự thi có yêu cầu.

7. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kết quả từng kỳ thi, công bố kết quả thi và thông báo điểm cho từng thí sinh dự thi.

8. Tổng hợp danh sách các thí sinh đạt yêu cầu thi theo từng kỳ thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán.

9. Chủ động đề xuất hoặc tham gia vào việc hoàn thiện Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán khi có yêu cầu.

Điều 12: Chế độ làm việc của Hội đồng thi

1. Hội đồng thi làm việc theo chế độ tập thể. Các quyết định của Hội đồng thi phải có ý kiến tập thể, theo nguyên tắc biểu quyết với 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng thi.

2. Hội đồng thi tổ chức 01 cuộc họp trước kỳ thi và 01 cuộc họp sau kỳ thi do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập cuộc họp bất thường.

3. Hội đồng thi được sử dụng thời gian chính quyền để tổ chức các kỳ họp và hoạt động thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng được hưởng thù lao trích từ lệ phí thi theo mức được Bộ Tài chính duyệt.

4. Chương trình và nội dung các kỳ họp Hội đồng thi phải được thông báo bằng văn bản cho các thành viên trước khi họp 5 ngày.

Điều 13: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng thi

1. *Chủ tịch Hội đồng thi:*

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi quy định tại Điều 11 Quy chế này;
- Phân công trách nhiệm cho các Phó Chủ tịch và từng thành viên Hội đồng thi;
- Quyết định thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi và Ban phúc khảo;
- Tổ chức hợp đồng ra đề thi và đáp án có niêm phong riêng, lựa chọn đề thi, đáp án theo nội dung, chương trình đã quy định, bảo đảm bí mật tuyệt đối đề thi, đáp án trước khi thi; Nếu cần thì mời Tổ phản biện đề thi.
- Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính kết quả các kỳ thi;

- Uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thi điều hành công việc của Hội đồng thi trong trường hợp vắng mặt.

2. *Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thi:* Điều hành công việc thường xuyên của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch Hội đồng thi.

3. *Phó Chủ tịch và các uỷ viên Hội đồng thi:* Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng thi.

4. *Uỷ viên thư ký Hội đồng thi:*

- Tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ của thí sinh, trình Hội đồng thi xét duyệt danh sách dự thi;
- Chuẩn bị các văn bản cần thiết của Hội đồng thi và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng thi;
- Thu nhận biên bản vi phạm kỷ luật thi đối với thí sinh trình Hội đồng thi xem xét;
- Các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng thi phân công.

Điều 14: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban phúc khảo; Quy trình làm đề thi, coi thi, chấm thi, bảo quản, lưu trữ đề thi, bài thi; xử lý vi phạm nội quy thi, giải quyết khiếu nại, quy định về sử dụng máy vi tính, khen thưởng và xử lý vi phạm quy chế thi, thực hiện theo quy định tại quy chế thi chung của Bộ Tài chính.

Điều 15: Xét duyệt kết quả thi

1. Hội đồng thi căn cứ vào kết quả chấm thi của từng chuyên đề thi để xét duyệt kết quả thi và thông qua danh sách điểm thi từng chuyên đề thi của thí sinh. Kết quả thi do Chủ tịch Hội đồng thi công bố sau khi báo cáo và được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, người dự thi có quyền làm đơn xin phúc khảo gửi Chủ tịch Hội đồng thi. Trường hợp chấm phúc khảo thì kết quả thi lấy theo điểm phúc khảo.

Điều 16: Giấy chứng nhận điểm thi

Căn cứ vào kết quả thi do Hội đồng thi báo cáo và được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng thi cấp Giấy chứng nhận điểm thi cho từng thí sinh (Phụ lục số 02). Giấy chứng nhận điểm thi là cơ sở để lập hồ sơ xin dự thi các chuyên đề chưa thi, thi lại các chuyên đề chưa đạt yêu cầu hoặc dự thi để nâng điểm (đối với thí sinh chưa thi đủ hoặc chưa đạt yêu cầu đủ các chuyên đề thi).

Chương III
TỔ CHỨC THI SÁT HẠCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ CHUYÊN GIA KẾ TOÁN HOẶC CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN NƯỚC NGOÀI

Điều 17: Điều kiện dự thi và nội dung thi

1. Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của các tổ chức nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận, muốn được cấp "Chứng chỉ kiểm toán viên" hoặc "Chứng chỉ hành nghề kế toán" của Việt Nam thì phải dự thi sát hạch kiến thức về luật pháp Việt Nam. Người dự thi sát hạch phải là người đang được phép hành nghề của nước sở tại.

2. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận phải có các điều kiện: (1) Là thành viên của Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC); (2) Có nội dung học và thi tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Những người đã hoàn thành khóa huấn luyện theo chương trình đào tạo chuyên gia kế toán trong khuôn khổ Dự án Kế toán - Kiểm toán do Bộ Tài chính Việt Nam và Liên minh Châu Âu phối hợp tổ chức tại Hà Nội năm 1998, nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế này thì được dự thi sát hạch kiến thức về pháp luật Việt Nam để nhận Chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên gồm các phần:

(1) Pháp luật về kinh tế, Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp;

(2) Tài chính và quản lý tài chính;

(3) Pháp luật về thuế và quản lý thuế;

(4) Pháp luật về kế toán và kế toán doanh nghiệp;

(5) Pháp luật về kiểm toán và dịch vụ có đảm bảo.

5. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán gồm các phần (1), (2), (3) và (4) quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Nội dung, yêu cầu từng phần thi sát hạch quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này.

7. Những người đã tham dự và đạt yêu cầu các kỳ thi phối hợp giữa Bộ Tài chính Việt Nam với Hiệp hội Kế toán viên công chứng Anh (ACCA) thì được miễn thi phần (1), (3) quy định tại khoản 4 Điều này.

8. Ngôn ngữ sử dụng trong kỳ thi là tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh.

9. Thời gian thi là 180 phút cho cả 05 phần thi.

Điều 18: Hồ sơ đăng ký dự thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a/ Phiếu đăng ký dự thi;

b/ Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt có công chứng: Chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài;

c/ Giấy xác nhận của Hội nghề nghiệp của nước sở tại là đang được phép hành nghề ở nước sở tại.

d/ 03 ảnh màu cỡ 4 x 6 chụp trong vòng 6 tháng, hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận;

đ/ Bản sao Hộ chiếu do nước sở tại cấp có xác nhận của đơn vị quản lý lao động.

2. Hồ sơ dự thi do Hội đồng thi phát hành theo mẫu thống nhất. Người đăng ký dự thi phải nộp hồ sơ cho Hội đồng thi chậm nhất 30 ngày trước khi thi.

Điều 19: Kết quả thi

1. Thang điểm chấm thi là thang điểm 100. Điểm thi chấm từ 1 điểm trở lên.

2. Bài thi đạt yêu cầu là bài thi đạt từ 70 điểm trở lên hoặc từ 42 điểm trở lên đối với người được miễn thi phần (1), (3). Kết quả thi được thông báo cho từng người dự thi.

3. Người đạt kết quả thi được Hội đồng thi tổng hợp danh sách trình Bộ trưởng Bộ Tài chính làm cơ sở xem xét để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán.

4. Các quy định khác thực hiện theo Quy chế này.

Chương IV
CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN HOẶC CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN

Điều 20: Cấp Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán

1. Chứng chỉ kiểm toán viên (Phụ lục số 03) hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán (Phụ lục số 04).chỉ trao trực tiếp cho người được cấp chứng chỉ hoặc người được ủy quyền của người được cấp; trường hợp bị mất sẽ không được cấp lại.

2. Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán có giá trị pháp lý để đăng ký hành nghề kiểm toán, hành nghề kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành về hành nghề kiểm toán, hành nghề kế toán.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21: Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán.

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy chế này.

2. Lập và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính kế hoạch tổ chức thi hàng năm.

3. Chủ trì phối hợp với Hội nghề nghiệp và các trường Đại học xây dựng nội dung, chương trình tài liệu học, ôn thi kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề.

4. Thực hiện việc trao "Chứng chỉ kiểm toán viên", "Chứng chỉ hành nghề kế toán" cho các cá nhân đạt yêu cầu thi theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Tổ chức bảo quản, lưu trữ an toàn hồ sơ, tài liệu liên quan đến các kỳ thi theo quy định hiện hành.

6.Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước liên quan đến kỳ thi kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá

PHỤ LỤC SỐ 01
NỘI DUNG, YÊU CẦU CHUYÊN ĐỀ THI
(Kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. CÁC CHUYÊN ĐỀ THI GỒM:

1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao
5. Kiểm toán và dịch vụ có bảo đảm nâng cao
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao
7. Tin học thực hành
8. Ngoại ngữ.

II. NỘI DUNG, YÊU CẦU TỪNG CHUYÊN ĐỀ THI

1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp

1.1 Luật Doanh nghiệp

+ Các vấn đề chung về doanh nghiệp;
+ Các loại hình doanh nghiệp.

1.2. Pháp luật về đầu tư

+ Các vấn đề chung về đầu tư
+ Các hình thức đầu tư.

1.3 Pháp luật về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại

+ Các vấn đề chung về hợp đồng;
+ Hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

1.4 Pháp luật về cạnh tranh

1.5 Pháp luật phá sản

1.6 Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

1.7 Luật Lao động.

2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao

2.1 Các vấn đề cơ bản trong tài chính

+ Chức năng của quản lý tài chính trong doanh nghiệp;
+ Giá trị thời gian của tiền tệ;
+ Định giá trái phiếu và cổ phiếu;
+ Thị trường tài chính;
+ Tính toán và phân tích các chỉ số tài chính.

2.2 Nguồn tài trợ của doanh nghiệp

+ Nguồn tài trợ dài hạn;
+ Nguồn tài trợ ngắn hạn;
+ Hệ thống đòn bẩy và cơ cấu vốn;
+ Chi phí sử dụng vốn;
+ Cơ cấu nguồn vốn.

2.3 Quản lý tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn

+ Tài sản cố định, tài sản dài hạn;
+ Tài sản lưu động, tài sản ngắn hạn.

2.4 Đánh giá dự án đầu tư và quyết định đầu tư vốn của doanh nghiệp

+ Quyết định đầu tư và quy trình đánh giá dự án đầu tư;
+ Phương pháp chiết khấu dòng tiền;
+ Các phương pháp khác.

2.5 Định giá doanh nghiệp

+ Bản chất và mục tiêu của việc định giá doanh nghiệp;
+ Các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.

2.6 Quản lý Tài chính Công ty Nhà nước và đổi mới doanh nghiệp nhà nước

+ Quản lý tài chính công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác;
+ Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;
+ Chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành công ty TNHH một thành viên, công ty hợp danh;
+ Xử lý tài chính đối với hoạt động mua bán, bàn giao, tiếp nhận xử lý nợ và tài sản tồn dọng của doanh nghiệp;
+ Xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước.

3. ***Thuế và quản lý thuế nâng cao***

3.1 Thuế giá trị gia tăng

3.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt

3.3 Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

3.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp

3.5 Thuế thu nhập cá nhân

3.6 Các loại thuế khác

3.7 Luật quản lý thuế

3.8 Kế hoạch thuế.

4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao

4.1 Pháp luật về kế toán

+ Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn;
+ Chuẩn mực kế toán Việt Nam;
+ Nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuẩn mực đạo đức hành nghề kế toán (kế toán viên hành nghề);
+ Các chế độ kế toán.

4.2 Lập báo cáo tài chính đơn vị kế toán

4.3 Lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.4 Kế toán quản trị

+ Các vấn đề cơ bản về kế toán quản trị;
+ Kế toán chi phí;
+ Quyết định ngắn hạn.

5. Kiểm toán và dịch vụ có đảm bảo nâng cao

5.1 Pháp luật về kiểm toán:

+ Nghị định về kiểm toán và các văn bản hướng dẫn;
+ Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

5.2 Hành nghề kiểm toán

+ Nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán;
+ Trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp;
+ Quản lý hành nghề;
+ Quy trình kiểm toán;
+ Kế hoạch kiểm toán;
+ Thu thập bằng chứng kiểm toán;
+ Đánh giá kết quả và soát xét;
+ Báo cáo kiểm toán;
+ Kiểm toán nội bộ;
+ Soát xét báo cáo tài chính, kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở thủ tục thoả thuận trước và báo cáo kiểm toán về những công việc kiểm toán đặc biệt;
+ Dịch vụ có đảm bảo.

6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao

6.1 Các vấn đề cơ bản về phân tích hoạt động tài chính

6.2 Phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp

+ Đánh giá khái quát hoạt động tài chính;
+ Phân tích kết cấu và sự biến động của tài sản, nguồn vốn;
+ Phân tích tình hình tài trợ và mức độ đảm bảo vốn;
+ Phân tích khả năng thanh toán;
+ Phân tích mức độ tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tệ;
+ Phân tích điểm hoà vốn và việc ra quyết định;
+ Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh;
+ Phân tích rủi ro tài chính và dự báo nhu cầu tài chính.

7. Tin học thực hành

- Thực hành soạn thảo văn bản có bảng, biểu.
- Sử dụng một số phần mềm kế toán cơ bản.

8. Ngoại ngữ

- Yêu cầu: Trình độ C trở lên
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết, dịch./.

PHỤ LỤC SỐ 02

BỘ TÀI CHÍNH HỘI ĐỒNG THI KTV VÀ KẾ TOÁN VIÊNHÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC Số: /TC/HTK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐIỂM THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM .....(*)

HỘI ĐỒNG THI KTV VÀ KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC
CHỨNG NHẬN:

Ông/Bà: .....
Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
Nơi làm việc: .....
Điểm thi các chuyên đề thi như sau:

Chuyên đề thi	Điểm thi	
	Bằng số	Bằng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
5. Kiểm toán và dịch vụ có đảm bảo nâng cao		
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao		
Cộng:		
7. Tin học thực hành		
8. Ngoại ngữ		

Giấy chứng nhận điểm thi là căn cứ để xét các thí sinh đạt yêu cầu thi và là căn cứ để lập hồ sơ đăng ký thi tiếp các chuyên đề chưa thi, thi lại các chuyên đề chưa đạt yêu cầu hoặc thi để đạt tổng số điểm tối thiểu đối với những thí sinh chưa đạt yêu cầu thi.

(*) Hoặc: Kết quả thi kế toán viên hành nghề.

TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC SỐ 03

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN
AUDITOR'S CERTIFICATE

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH/ MINISTER OF FINANCE

Cấp cho Ông (Bà)/ Hereby certifies that Mr/Mrs:

.....

Năm sinh/Date of birth:.....

Quê quán (Quốc tịch)/Nationality.....

Đạt kết quả loại:..... kỳ thi Kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

Has passed the Auditor's Certificate (AC) examination organised by the Ministry of Finance on ..... with grade .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG/VICE MINISTER
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ KTV/AC No:.....
Chữ ký KTV/Auditor's signature

PHỤ LỤC SỐ 04

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN
ACCOUNTING PRACTICE CERTIFICATE

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH/ MINISTER OF FINANCE

Cấp cho Ông (Bà)/ Hereby certifies that Mr/Mrs:

.....

Năm sinh/Date of birth:.....

Quê quán (Quốc tịch)/Nationality.....

Đạt kết quả loại:.....kỳ thi Kế toán viên hành nghề do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

Has passed the Accounting practice's Certificate (APC) examination organised by the Ministry of Finance on ..... with grade .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG/VICE MINISTER
(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ HNKT/APC No:...
Chữ ký HNKT/Accountant's signature:

(15).